

LỄ HỘI LÀNG HE VÀ NHỮNG LỄ HỘI KHỞI NGUỒN HÌNH THÀNH LỄ HỘI ĐỀN HÙNG

Trần Thị Tuyết Mai*

Tóm tắt: Lễ hội Đền Hùng được hình thành và tỏa sáng tại Khu di tích lịch sử văn hóa đặc biệt quốc gia Đền Hùng, là lễ hội duy nhất trong hệ thống lễ hội truyền thống của cả nước được tổ chức quy mô cấp Quốc gia. Lịch sử hình thành và phát triển của lễ hội Đền Hùng ngày nay được khởi nguồn từ các lễ hội làng cổ xưa ở xung quanh Núi Hùng (Núi Nghĩa Lĩnh) thuộc vùng Phong Châu - Phú Thọ, nơi hiện còn lắng lại các "lớp văn hóa" về tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương - Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

Bài viết giới thiệu một số lễ hội ở các làng cổ liên quan đến thời đại Hùng Vương và lễ hội Đền Hùng, trong đó tiêu biểu là lễ hội làng He - một lễ hội có danh tiếng của cả vùng Sơn Tây - Phú Thọ ngày trước. Những lễ hội cổ xưa này là hạt nhân cốt lõi, là linh hồn sống động, là "bảo tàng" về các nghi thức, nghi lễ và tục hèm phản ánh bản sắc của cư dân nông nghiệp, là ký ức đẹp nhất và cũng là những yếu tố căn bản để xuất hiện và làm nên nội dung của lễ hội Đền Hùng trong quá khứ, rất cần thiết được phục hồi, duy trì, bảo tồn phát huy trong lễ hội Đền Hùng của hiện tại hôm nay và tương lai.

Từ khóa: Lễ hội Đền Hùng, lễ hội làng cổ, lễ hội làng He, khởi nguồn, bảo tồn phát huy.

Theo số liệu tổng hợp của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, hiện cả nước có 7.966 lễ hội, trong đó có 7.039 lễ hội dân gian (chiếm 88,36%). Trong tổng số 7.039 lễ hội dân gian, lễ hội Đền Hùng là lễ hội dân gian lớn nhất và duy nhất được tổ chức theo quy mô Quốc gia có sự tham gia của Nhà nước. Trong quá trình hình thành và phát triển, lễ hội Đền Hùng đã được kế thừa và phát triển từ những giá trị văn hóa đặc trưng của lễ hội dân gian mang tính chất nguyên thủy (tín ngưỡng phồn thực, nông nghiệp cổ xưa), nhưng tầm vóc của lễ hội Đền Hùng đã vượt ra khỏi phạm vi địa phương, bộc lộ nhiều ý nghĩa sâu sắc của đạo lý và bản sắc văn hóa dân tộc. Để tìm hiểu về nguồn gốc, sự hình thành và phát triển của lễ hội Đền Hùng, việc nghiên cứu lễ hội làng He và những lễ hội của một số ngôi làng cổ xung quanh khu vực Đền Hùng ngày nay là cần thiết.

1. Khái lược về lễ hội làng He và các lễ hội của các làng cổ quanh núi Hùng

Trong số hàng trăm lễ hội dân gian náo nhiệt của vùng Đất Tổ Phú Thọ, nhất là lễ hội

một số làng của cư dân Việt cổ tại khu vực quanh núi Nghĩa Lĩnh (núi Hùng), nổi lên là lễ hội làng He - một lễ hội nổi tiếng trong vùng từ xưa đến nay.

Từ xưa "hội He" (lễ hội làng He - lễ hội Đền Hùng ngày nay) đã là một lễ hội có danh tiếng của cả vùng Sơn Tây - Phú Thọ. Không phải ngẫu nhiên mà khi so sánh sự hấp dẫn và náo nhiệt của các hội làng xung quanh vùng đất rộng lớn do các dòng sông Lô, sông Thao, sông Đà tạo nên, người dân còn truyền mãi câu ca:

Sơn Tây vui nhất hội Thầy

Vui thì vui vậy chẳng tày hội He!

Làng He nằm liền kề chân dãy Hy Cương. Sau này, làng He tách ra thành 3 làng Cổ Tích, làng Vi (Vi Cương) và làng Trẹo (Triệu Phú). Làng Cổ Tích tổ chức hội vào các ngày từ mồng 8 đến 12 tháng Ba âm lịch (viết tắt là â.l), chính tế ngày 11 tháng ba. Làng Vi và làng Trẹo mở hội vào tháng Giêng và tháng tám âm lịch vì hai làng chung nhau đình Cả (1).

* TS. Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.

Tương truyền, vào cuối thời Hùng Vương, có một ông nghề He (!) vốn là tướng của vua Hùng, đã về vùng đất này dựng làng. Khi ông mất đi, dân làng tưởng nhớ và lập đền thờ phụng ông làm thành hoàng. Trải qua nhiều năm, đất nước thái bình, dân cư thịnh vượng, làng He được tách ra thành 3 làng: Làng Cà, làng Trẹo, làng Vi (2). Tuy nhiên câu chuyện về ông nghề He đã được lịch sử hóa vào thời kỳ nhà nước đã định ra chế độ thi cử. Song, đó cũng là một tư liệu dân gian để giải thích vai trò của làng cổ này khi được thế chế quân chủ phong kiến trao quyền cho việc xây dựng đền thờ quốc Tổ và thực hiện nghi thức giỗ Tổ.

Có thể nói, hội làng He là “bảo tàng” về các nghi lễ và tục hèm như: “lấy tiếng hú”, chạy “Tùng dí, săn lợn, chạy dịch...” cùng các trò diễn “bách nghệ khôi hài” và lễ hội “rước Chúa Gái”, rước Lúa Thần và tổ chức lễ Hạ điền, trong đó, một nghi lễ có liên quan sâu sắc đến tín ngưỡng của cư dân nông nghiệp đó là nghi lễ Hạ điền.

Nghi lễ này được tổ chức vào ngày 25 tháng năm (â.l). Từ mờ sáng các quan viên, kỳ mục, các già làng trưởng bản cùng toàn thể nam đinh phụ ấu (trai làng) từ 12 tuổi đến 49 tuổi đã có mặt đông đủ ở đình làng thôn Cổ Tích để làm lễ tế thành hoàng làng và cáo yết thần linh (thần nông) phù hộ cho mùa màng tươi tốt, dân Khang, vật thịnh. Dân làng phải làm cỗ tế mặn và tế ngọt dâng thành hoàng và vua Tổ thần nông. Lễ vật được dân làng sửa soạn để cúng chính trong lễ hạ điền gồm: 1 mâm xôi gà, một mâm gạo tẻ đầy, một mâm cháo hoa, một mâm đựng 3 con mạ xanh non, 1 chai rượu, một buồng cau, một ít lá trầu không, một bình vôi sạch. Các mâm sơn son thếp vàng đều được lót bằng một phiến lá chuối xanh trước khi xếp lễ lên trên.

Lễ vật được ông chủ tế cùng ông chúa đồng rước sang thắp hương cúng vái. Cúng xong ở

đình, ông chủ tế, ông chúa đồng cùng các quan viên, bô lão và toàn thể cộng đồng rước ba con mạ ra đồng làm lễ hạ điền. Ruộng cấy lúa hạ điền là một thửa ruộng công màu mỡ, đất được làm khá kỹ càng... Lễ hạ điền bắt đầu, ông chúa đồng cầm 3 cây mạ cây vòng quanh chân cây nêu. Ông chủ tế vừa cấy vừa đọc bài khấn gọi vía lúa. Có thể nhận thấy, lễ hạ điền tuy đơn giản nhưng thật là thiêng liêng đối với người nông dân. Đây thực sự là lễ trình nghề cấy lúa nước với mong ước mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu, con người khỏe mạnh, giỏi việc nông tang, an khang thịnh vượng.

Theo truyền thuyết, ngày xưa dân ta thờ hạt lúa thần ở đền Thượng tại Đền Hùng. Hạt lúa thờ được làm bằng gỗ đục cả cây sơn son thếp vàng, to bằng chiếc thuyền con (thuyền nhỏ dùng cho một người câu trên sông hồ) (3). Bên cạnh đó, cũng có ý kiến cho rằng, hạt thóc thần là một hòn đá hình thoi dài khoảng 0,6m, các cụ cao niên ở địa phương vẫn gọi là “thóc thờ” (4). Từ đó có thể thấy được, đây là biểu tượng thờ lúa của cư dân nông nghiệp, cho dù về mặt chất liệu của vật thờ có sự khác nhau song điều cơ bản ở đây là biểu tượng thờ lúa - một đặc trưng rõ nét của tín ngưỡng nông nghiệp/tín ngưỡng phồn thực.

Tục tế thần lúa được diễn ra vào tháng Giêng và tháng mười âm lịch, lễ vật dâng cúng gồm bánh chưng, bánh dày, xôi màu, ngũ quả. Còn tục thờ phồn thực lại được diễn ra bên hòn đá cối xay phía sau đền Thượng, trên sườn non núi trọc lớn. Khi xưa đường lên núi còn khó khăn nhưng dân quanh vùng núi Hùng: Phân Trà, Cổ Tích, Kim Đới, Thập Lĩnh vẫn lên làm lễ vào ngày rằm tháng Giêng và rằm tháng Bảy.

Trong hội làng He, tục rước chúa Gái được duy trì như phần nội dung chính của lễ hội. Tục rước chúa gái là ảnh xạ của truyền thuyết Sơn Tinh - Thủy Tinh. Ngoài nội dung rước chúa gái, lễ hội làng He còn nội dung phản ánh bản sắc của cư dân nông

nghiệp đó là lễ hội xuống đồng (như đã giới thiệu trên đây) với ý nghĩa nhấn nhủ mọi người đừng vui xuân quá mà quên mất công việc đồng áng của mình (5). Ngay từ tháng chín, hoặc chậm nhất là giữa tháng mười lịch trăng, dân hai làng đã nhộn nhịp chuẩn bị họp bàn chọn người nuôi lợn, nuôi gà, đan voi đan ngựa, sửa kiệu, sắm cờ và thành lập ban khánh tiết phục vụ cho ngày khai hội. Đến ngày 22 hoặc 23 tháng Chạp, dân 2 làng làm lễ ở đình và cùng nhau chọn chúa Gái, theo các tiêu chí người xưa truyền lại: con gái xinh đẹp, duyên dáng chưa chồng, tuổi từ 13 đến 18, gia đình phong quang (không có tang cả hai bên nội ngoại), có chức sắc và có điều kiện kinh tế, bố mẹ song toàn, có con trai, gia đình gia giáo. Người được chọn từ 30 tháng Chạp đến mồng 7 tháng Giêng không được đi ra ngoài. Nhà chúa gái được trang trí đẹp, treo đèn kết hoa, mọi sinh hoạt đều được nữ tỳ hầu hạ. Mồng 8 tháng Giêng, hai làng vâng chúa gái sang đình Hậu Lộc để thay quần áo rồi lên kiệu, đoàn rước kiệu có nghi trượng và nghi thức trọng thể được quy định: voi và ngựa của làng Trẹo đi trước kiệu, voi và ngựa của làng Vi đi sau kiệu. Tới đình Cả, kiệu lễ vật, kiệu lễ sắc văn, kiệu chúa gái và sau cùng là hai voi và 4 ngựa. Lễ tạ ơn chúa gái được tổ chức tại đình Cả. Kiệu chúa gái được rước qua làng Trẹo theo hướng sông Hồng về nơi núi Tản. Tới cây hương đầu làng vì thương cha nhớ mẹ, Ngọc Hoa buồn rầu không đi nữa. Dân làng phải làm nhiều trò diễn để công chúa vui lên mà đi tiếp, trò diễn đó được nhân dân đặt tên là trò “Bách nghệ khôi hài”. Những người tham gia diễn trò mặc quần áo nhiều màu đi rước kiệu. Dẫn đầu đoàn trò là người vác cây mía to, trên ngọn buộc một bó lúa gọi là lúa thờ, tiếp sau là những người hóa trang theo các nghề nghiệp riêng của mình như: người đi câu cá, vai vác xào dài, đầu xào buộc một chiếc bánh chưng; người đi săn vác một cây

giáo bằng cả một đoạn tre to vót nhọn; người làm ruộng mang theo những cây, bừa, cuốc cào làm bằng gỗ hoặc tre to làm bằng cỡ bình thường; có cả những người đeo mặt nạ đầu trâu, đầu bò đi theo... Hòa theo tiếng trống, tiếng chiêng, đoàn người diễn trò vừa đi vừa lắc lư, nghêu ngao múa hát, diễn trò vui, khiến cho chúa gái vui, và nếu chúa gái cười nhiều thì năm đó dân làng gặp những điều tốt lành. Sau khi xem diễn trò xong, kiệu chúa gái tiếp tục đi tới cầu tây, (cầu cáp), chúa gái được đưa xuống mảng theo dòng chảy xuôi theo sông Hồng, dân làng đứng hai bên bờ tiễn cho tới khi bóng hình chúa gái khuất hẳn sau lũy tre xanh. Đến đây, trò diễn chúa gái kết thúc và các đồ mã voi ngựa được đem đi hóa.

Đồng thời, tại cánh đồng giữa hai làng, tổ chức lễ săn lợn, còn gọi là lễ “chạy địch”. Theo quy định, vào sớm mồng 4 tháng Giêng, tổ chức “săn lợn - chạy địch”. Từ tối mồng 3, các tráng đinh trong làng “dưới 30 tuổi” đều ngủ ở nhà ông trưởng đảng cai việc làng năm đó. Đến mờ sáng mồng 4 mọi người cứ lặng lẽ chạy ra cánh đồng. Khi gặp nhau từng đôi một xông vào vật nhau như để cho khỏe gân khỏe cốt, rồi bắt đầu thi chạy cướp cờ. Cờ hội của hai làng đã được cắm sẵn ở phía trước, ai về đích trước mà cướp được cờ sẽ được thưởng và hưởng nhiều may mắn và gặp phúc lớn trong năm đó (6). Cướp cờ xong, tiến hành săn lợn, hai con lợn to khỏe của hai làng được đưa vào bãi hội, mọi người lao vào dồn bắt trong tiếng chiêng trống rộn vang cho tới khi lợn mệt không chạy được và mọi người xông vào bắt rồi đem thịt. Theo quy định, tiết sống và một phần lòng sống cúng trước, sau đó lòng lợn luộc chín tới cùng với lợn sống (để cả con) có mỡ chài phủ làm lễ vật cúng tế. Phần tiết và một phần lòng sống đồ xuống cánh đồng trước cửa đình, thịt lợn đem ra làm cỗ khao cả làng. Bên các ban thờ, dân làng tiến hành lễ sóc trình voi ngựa. Ngoài sân đền và các khoảnh đất rộng của làng Trẹo, các hội

đoàn và dân chúng các nơi kéo về tham gia các trò chơi đánh vật, kéo co, chọi gà và sôi nổi nhất là trò bách nghệ khôi hài, diễn lại trò “tùng dí” trống “tùng” thì hai sinh thực khí dí vào nhau, đây vốn là trò chơi mang tính đùa vui trai gái, được sáng tạo ra từ xa xưa, tương truyền làm theo tích cũ thời Vua Hùng) cho chúa gái xem. Nghi lễ tùng dí được tiến hành như sau: mỗi thôn cử ra 3 người gánh 3 gánh lúa (một thôn 3 nam, 3 nữ). Đòn gánh là một chiếc gậy sơn son, mỗi bên buộc một bó lúa nhỏ chỉ độ một tay lúa (cả bông), trên bó lúa có buộc một nhúm xôi. Hai thôn có 6 gánh lúa, do 3 thanh niên và 3 thiếu nữ khỏe mạnh, mặc áo rước gánh lúa vào chạy 3 lượt vòng quanh sân đình rồi gánh vào đình múa thờ. Khi múa, cứ mỗi tiếng trống thì trai làng lại rướn người lên. Sau múa là chạy, khi chạy, chiêng trống giục liên hồi nhộn nhịp. Sau khi chạy xong cả 6 người gánh lúa vào đình vái 3 vái, ông chủ tế cầm sẵn cây mía lao thẳng về phía sau, rồi nhân dân xô vào cướp những bông lúa để lấy may. Tục này có ý nghĩa muốn cho lúa tốt được mùa, nhà nhà no đủ, vật thịnh dân Khang. Chập tối, dân làng cùng kéo nhau đến nhà văn hóa tổ chức diễn xướng hát Xoan, hát gheo đông vui, đậm ảm. Và chờ đến nửa đêm, hai làng lập chung một đoàn mang gà, chiêng trống cùng đồ tế lễ ra cây hương cạnh đình Cả để “lấy tiếng hú”. Nghi lễ rước tiếng hú được diễn ra theo quy định nghiêm ngặt, cả hai thôn đều phải im lặng, không để cho chó cắn mèo kêu. Khoảng 9 đến 10h đêm, cử ông trưởng phe cầm một con gà giò cùng một số thanh niên trong làng đi im lặng ở trong làng, khi đến chỗ cây hương, tương truyền là nơi công chúa Ngọc Hoa ngồi ăn trâu trước khi về nhà chồng. Ông trưởng phe bê gà vào vái cây hương ba vái xong cả đoàn cùng hú vang, chiêng trống âm ỉ, gọi là “Lấy tiếng hú”, rồi kéo nhau mang gà về đình làm cỗ tế nửa đêm để đón giao thừa (7). Có lẽ tiếng

hú thuộc loại ngôn ngữ tín hiệu đầu tiên của loài người. Tiếng hú có thể chứa đựng nhiều lượng thông tin trong nhiều tình huống khác nhau, tiếng hú có thể đã ra đời từ nhu cầu của người đi rừng trong thời săn bắt, dần dần trở thành phong cách sinh hoạt của người địa phương vùng rừng núi. Tiếng hú đã từ đời sống vào phong tục, hội làng, từ đời sống trần tục vào lễ thiêng, rồi biến dạng, theo thời gian nó gắn với nghi lễ săn bắn và tín ngưỡng phồn thực (8).

Không chỉ có ở hội làng He, mà không gian vùng Phong Châu cổ xưa đã nhiều đời truyền tụng về sự tồn tại của 18 đời vua Hùng, PGS.TS. Bùi Quang Thanh trong nghiên cứu của mình đã nhận xét rằng vị vua Hùng đầu tiên đã có công dựng nên nhà nước Văn Lang đầu tiên trong lịch sử của cộng đồng Việt Mường và sau đó là cộng đồng của quốc gia đa dân tộc ngày nay. Trong vùng đất này còn lắng lại các “lớp văn hóa” tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương. Hình tượng các Vua Hùng đã được người dân “bình dân hóa” trong đời sống hàng ngày của họ. Đây chính là nguồn mạch để tạo đà sáng tạo ra một không gian văn hoá làng bản độc đáo, bền vững, đủ sức trường tồn qua mọi biến cố lịch sử, mọi thăng trầm trước những hiểm họa và mưu toan đồng hóa, xâm lược của giặc thù. Đây cũng là cốt cách của vùng đất Phong Châu, như cố GS. Trần Quốc Vượng đã từng nghiên cứu và đi đến nhận xét: “Làng Cả Việt Trì vẫn đã là Thủ đô nước Văn Lang của nền văn minh thôn dã, văn hóa xóm làng” (9).

Cùng với Hội làng He, vùng đất này hiện hữu một nét văn hóa đặc sắc tiêu biểu ở các làng bản xung quanh Núi Hùng, đó là nghi lễ rước Vua Hùng về làng bản ăn tết, do 2 làng Vi và Trẹo tiến hành. Nghi lễ này được diễn ra trước ngày quốc lễ (trước đây nghi lễ được thực hành vào sáng mùng 4 tháng Giêng, hiện nay được thực hành vào chiều ngày 25 tháng Chạp hàng năm) (10). Trong hồi cổ của dân

gian, quy mô đám rước được tổ chức rất hoành tráng, độc đáo: với các quan võ cưỡi ngựa hồng đi trước, các quan văn cưỡi ngựa bạch đi sau, vua cưỡi ngựa đen đi giữa. Đoàn quân đi đến tràng đình (đình rước vua) đã thấy dân chúng tụ tập, cờ quạt rợp trời. Chợt gió Đông Nam nổi lên, xoay hẳn hướng bay của cờ quạt, thấy vậy dân làng lại chấp tay mời đức vua xuống ngựa, lên kiệu để dân làng rước về làng bán ăn tết. Khi rước vua vào nhà, dân treo một chiếc giường lên cao để vua ngự gọi là giường bầu, còn các quan thì ở hai bên.

Vua Hùng còn được cộng đồng cư dân Phong Châu suy tôn là thành hoàng của làng. Tục này tồn tại tại xã Hùng Lô (Kê Xóm), cách Đền Hùng khoảng 9-10km về phía nam, nay thuộc Thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Trong dân gian truyền rằng: Ngày xưa khi vua Hùng cùng các tướng lĩnh đi săn ở vùng núi xa Thanh Sơn, Thanh Thủy..., cuộc đi săn thu được nhiều gà rừng, quý hiếm. Trên đường đi, qua đất Hùng Lô (Kê Xóm), vua cho dừng lại nghỉ và thịt gà khao quân cùng dân làng. Từ đây trở đi, dân làng cùng nhau lập dựng ngôi đình Hùng Lô và hàng năm, cứ vào dịp giỗ đức vua, cả làng lại tập trung mở hội, chọn gà làm cỗ thờ, tế tại đình làng, rồi đặt lên kiệu rước về Nghĩa Lĩnh dâng cúng các vua Hùng. Hàng năm vào dịp mồng 10 tháng 3 lịch trăng, lễ cúng vua Hùng lại được cộng đồng cư dân Hùng Lô thực hành, gắn liền với lễ hội truyền thống chôn cất kiệu tế lễ, rồi rước về Nghĩa Lĩnh.

Nhìn ở phạm vi rộng hơn, ngoài lễ hội làng He (tức làng Vi và làng Trẹo), và sau này là lễ hội ở hai làng Vi và Trẹo, ở vùng đất này còn có nhiều lễ hội ở các làng xã có liên quan đến thời đại Hùng Vương và lễ hội đền Hùng như: lễ hội rước ông Khiêu bà Khiêu (Thanh Đình - Lâm Thao), lễ hội thờ Hùng Vương (Bảo Thanh - Phù Ninh), lễ hội rước con trai vua Hùng (làng Thạch Đê - Cẩm Khê), hội rước vua Hùng (Phượng Vĩ - Cẩm Khê), lễ hội vua Hùng dạy dân cấy lúa (Minh Nông - Việt

Trì)... Ở các lễ hội này còn lưu giữ được nét văn hóa đặc sắc cần phải được bảo tồn và phát huy trong lễ hội Đền Hùng hiện nay.

2. Nhận diện một số yếu tố góp phần hình thành lễ hội làng He và các lễ hội cổ xưa khởi nguồn của lễ hội Đền Hùng

Thông qua nghiên cứu lễ hội làng He và một số lễ hội cổ xưa của các làng cổ xung quanh khu vực Đền Hùng mà trọng tâm là núi Hùng, chúng ta nhận thấy các lễ hội này đã cấu thành trên một nền tảng lịch sử văn hóa cộng đồng truyền thống, vào một thời điểm lịch sử nhất định, điều đó thể hiện ở một số yếu tố:

Một là, thể hiện ứng xử của con người phù hợp với môi trường tự nhiên. Trong xã hội thời kỳ Hùng Vương, con người sống chủ yếu dựa vào thiên nhiên, chung sống hoà đồng với thiên nhiên để sản xuất ra của cải vật chất duy trì cuộc sống, sinh cơ lập nghiệp và tồn tại. Vào thời kỳ này, trình độ sản xuất của con người đã phát triển, nhưng họ luôn phải đối mặt với thiên tai như lũ lụt, hạn hán, mất mùa, đói kém... chính điều kiện khắc nghiệt trong cuộc sống mưu sinh đó đòi hỏi con người cần phải biết ứng xử với tự nhiên, thích ứng với tự nhiên để tồn tại. “Con người không còn phụ thuộc hoàn toàn vào thiên nhiên nữa. Họ đã biết phân nào vận dụng các quy luật của tự nhiên để tổ chức, sắp xếp lại cuộc sống của mình. Họ đã biết tập trung nhau lại để chống thiên tai địch họa, họ biết đoàn kết nhau lại thành một khối để chinh phục, tiếp cận, hòa hợp với thiên nhiên” (11). Do đó con người sống với thiên nhiên đã biết chinh phục thiên nhiên, biết trị thủy (đắp đê ngăn lũ lụt), chính vì vậy đã xuất hiện truyền thuyết Sơn Tinh, Thủy Tinh và lễ hội rước chúa Gái là truyền thuyết Sơn Tinh đón vợ. Con người đã biết chế tác các vật dụng theo phục vụ cuộc sống nông nghiệp như biết đóng thuyền, chèo thuyền, làm máng với vị trí nền nông nghiệp tiểu nông giữ vai trò chủ đạo, con người sinh

sống dựa vào kinh tế nông nghiệp trồng trọt và chăn nuôi, do đó con người luôn có ước muốn mùa màng tốt tươi, nhân khang vật thịnh, họ biết dựa vào các thế lực thần bí của thiên nhiên như thần núi, thần sông, thần lúa... để được nương nhờ che chở và phù hộ. Chính vì vậy xuất hiện lễ hội với các tục, hèm, lễ nghi nông nghiệp như tục thờ lúa, thờ thần núi, thần sông, lầy tiếng hú, chạy tùng dí, chạy dịch, chạy lợn, trò bách nghệ khô hải, rước ông Khiu, bà Khiu... Có thể nói, lễ hội ông Khiu, bà Khiu là một lễ hội hội tưởng lại quá trình hỗn mang của xã hội loài người ở những buổi đầu khai nguyên của lịch sử, nhớ về cội nguồn của cha ông - một thời kỳ lịch sử chưa ổn định.

Hai là, về điều kiện xã hội, trong cộng đồng cư dân Việt Mường đã hình thành những phép ứng xử của con người với xã hội. Trong lịch sử dựng nước và giữ nước, dân tộc ta luôn luôn phải trải qua những cuộc chiến tranh chống ngoại xâm. Trong cuộc giao tranh quyết liệt đó, con người cần có sự đoàn kết cộng đồng, gắn kết cộng đồng, trung tâm gắn kết cộng đồng ấy chính là hình ảnh một vị thủ lĩnh, vì lẽ đó ông Vua Tổ Hùng Vương xuất hiện. Chính cộng đồng đã tôn thờ và đưa hình ảnh vua Tổ vào cõi thiêng để thờ phụng, làm bệ đỡ cho sự cố kết cộng đồng, quy tụ cộng đồng, tạo ra sức mạnh cộng hưởng đủ thế năng chống họa xâm lăng. “Vai trò của Hùng Vương khi được đẩy lên để mang tính chất một ông Tổ chung của cộng đồng dân tộc thì phải được bảo đảm bởi điều kiện nhất định của lịch sử và xã hội... Tổ Hùng Vương được hết sức đề cao, đề như một ngọn đèn sáng cho sự đoàn kết cộng đồng dân tộc, nhằm hội tụ sức mạnh toàn dân để bảo vệ nền độc lập. Như thế, việc đẩy Hùng Vương lên thành một ông Tổ chung đã là yêu cầu cấp thiết, nâng yếu tố chính trị, gắn chặt với lịch sử” (12). Đây cũng là một trong những luận cứ góp phần chứng minh cho sự ra đời của lễ hội Đền Hùng.

Ba là, nhu cầu bức thiết của xã hội đòi hỏi cần thiết có một tín ngưỡng để thoả mãn khát vọng tâm linh, do đó tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương xuất hiện. GS.TS Nguyễn Chí Bền trong nghiên cứu về văn hoá Việt Nam đã nhận định: “Trong 4 tiểu vùng văn hoá Bắc Bộ, vùng văn hoá Sơn Tinh Thủy Tinh đã có một không gian thờ cúng Hùng Vương. Trong không gian thiêng là vùng đất Phú Thọ, quá trình hình thành quốc gia phát triển do sự thúc đẩy của nhu cầu hành hương về cội nguồn dân tộc, đây chính là giá trị khác biệt, giá trị lớn nhất để hình thành tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương. Trong quá trình phát triển, bệ đỡ là hành hương về Quốc Tổ Hùng Vương, đây là một tín ngưỡng đặc biệt. Trường hợp lễ hội Đền Hùng như một dòng chảy từ quá khứ xa mờ của lịch sử đến hôm nay tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương ở Phú Thọ đã vận động, tiếp nhận những lớp phù sa văn hóa, tín ngưỡng khác nhau trong sự tác động của các lực từ các chiều kích khác nhau đã hội tụ và lan toả, để trở thành động lực của sự nghiệp thống nhất, đoàn kết dân tộc trong một tiếng nói chung của con cháu Lạc Hồng (13). Trong tiến trình vận động của lịch sử dân tộc luôn có bệ đỡ là tín ngưỡng thờ Hùng Vương, vai trò của tín ngưỡng thờ Hùng Vương được nâng cao và suy tôn “Hùng Vương là một ông Tổ cội nguồn, một mẫu mực về vị tổ tiên vĩ đại để nâng đỡ dân tộc luôn bị va đập bởi thác ghềnh của lịch sử và xã hội” (14).

Bốn là, trình độ văn hóa của con người cũng phát triển, ý thức hệ đã dần dần hoàn thiện, từ lễ thức gia đình họ đã dần có ý thức về tổ tiên nguồn cội, ý thức về Quốc tổ, nghi lễ cộng đồng đã hình thành đó là tục thờ cúng tổ tiên. “Đó là dân tộc, là tín ngưỡng toàn dân, bởi dân ta đã chỉ thờ một vị Tổ độc nhất vô nhị, vô cùng độc đáo. Tổ Hùng Vương của cả nước. Người Việt Nam ta đã đi từ sự tôn thờ tổ tiên, gia đình, dòng họ mình đến chỗ tôn thờ Tổ Hùng của cả nước (15). GS.TS Nguyễn Chí Bền nhận xét dân tộc và cộng đồng đã lựa chọn Hùng Vương là ông Vua Tổ

của đất nước đề tôn thờ “Thái độ tôn kính Hùng Vương với tư cách là thủy tổ của dân tộc, theo đạo lý uống nước nhớ nguồn của người dân các thế hệ khiến cho tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương phát triển sâu rộng. Trong hệ thống tín ngưỡng dân gian ở Việt Nam khó có tín ngưỡng nào có đặc trưng ấy” (16), đó cũng là một yếu tố căn bản để làm nên nội dung của lễ hội Đền Hùng, lễ hội cổ xưa được hình thành, duy trì và phát triển đến ngày nay.

Như vậy, qua nghiên cứu lễ hội Đền Hùng, có bốn yếu tố: điều kiện tự nhiên, điều kiện xã hội, nhu cầu bức thiết về một tín ngưỡng của cộng đồng cùng với trình độ tư duy, nhận thức về văn hóa của con người phát triển là những yếu tố căn bản để hình thành lễ hội cổ xưa.

3. Để lễ hội làng He và các lễ hội cổ xưa là hạt nhân cốt lõi và linh hồn sống động trong lễ hội Đền Hùng ngày nay

Thông qua nghiên cứu lễ hội làng He và các lễ hội của các làng cổ xung quanh khu vực Đền Hùng, chúng ta cần phải nhận diện và đặc biệt quan tâm chú ý: cơ sở hình thành Lễ hội Đền Hùng ngày nay chính là các lễ hội làng của cư dân xung quanh núi Hùng mà cộng đồng có vai trò quan trọng trong việc thực hành nghi lễ và tham gia phần hội. Do đó để lễ hội làng He và các lễ hội cổ xưa là hạt nhân cốt lõi và linh hồn sống động trong lễ hội Đền Hùng ngày nay, cần thực hiện một số nội dung:

Một là, bảo tồn và phát huy các nghi thức tế lễ cổ truyền của các cộng đồng xung quanh khu vực Đền Hùng: những nét đặc trưng văn hóa cổ xưa của hội làng He và các lễ hội của các làng cổ xung quanh khu vực Đền Hùng, sẽ góp phần cho chúng ta tìm lại được bản sắc của dân tộc mình, cho dù lễ hội Đền Hùng có biến đổi về quy mô và nội dung ở một mức độ nào đó thì những nét bản sắc văn hóa cổ xưa của vùng Đất Tổ vẫn cần phải được nghiên cứu một cách kỹ lưỡng, khơi dậy, bảo tồn và phát huy như một biểu tượng hướng về cội nguồn của các giai đoạn nối tiếp sau, đặc biệt

là giai đoạn hiện nay, khi lễ hội đang có nhiều biến đổi thích nghi với đời sống thực tại.

Từ nghiên cứu cho thấy: hiện nay nghi lễ dâng hương Quốc gia đã ổn định và định hình, song nếu chỉ quan tâm đến duy trì nghi lễ Quốc gia mà không chú trọng đến việc bảo tồn các nghi thức tế lễ cổ truyền của các cộng đồng xung quanh khu vực Đền Hùng, thì các lễ hội cổ truyền có nguy cơ thất truyền, mai một. Do đó, nhất thiết phải quan tâm, phục hồi các nghi lễ cổ truyền, các lễ hội của các làng xung quanh khu vực Đền Hùng, đặc biệt là các làng Vi Cương, làng Triệu Phú, làng Cổ Tích trước đây..., phục hồi lại 40 đoàn rước kiệu, đây là bảo tàng sống, là linh hồn, là ký ức đẹp nhất của lễ hội Đền Hùng trong quá khứ, rất cần thiết được phục hồi trong hiện tại và tương lai.

Hai là, phục dựng các trò chơi, trò diễn, tích diễn dân gian cho đầy đủ hơn. Trên cơ sở ký ức dân gian phục dựng có chọn lọc, nâng cao phần lễ, phần hội đã có đảm bảo tính phù hợp và thể hiện sinh động các yếu tố di sản văn hoá vật thể và phi vật thể cần bảo tồn. Phục dựng, tư liệu hoá các tư liệu về lễ hội Đền Hùng trên cơ sở các nghiên cứu khoa học về lễ hội, cần có biện pháp khoa học cụ thể để phục hồi và quản lý, không làm mất đi sắc thái riêng của lễ hội.

Ba là, sưu tầm bổ sung thêm nguồn tư liệu dân gian về vua Hùng và thời đại Hùng Vương. Để bổ sung nguồn tư liệu này cần tiếp tục sưu tầm truyền thuyết dân gian thông qua các nghệ nhân, những bậc cao niên trong vùng và ngoại tỉnh. Tiến hành điều tra sưu tầm, lưu trữ bằng văn tự, băng ảnh, phim ảnh làm cơ sở để phục hồi truyền thuyết dân gian về lễ hội Đền Hùng xưa đã bị mai một, những nghi thức, trình thức đã bị thất truyền và có nguy cơ thất truyền. Có phương án lưu giữ, bảo tồn bằng các phương tiện hiện đại như thu băng, ghi đĩa để lưu trữ, bảo quản lâu dài; chuyển tải truyền thuyết dân gian thông qua các loại hình sân khấu hoá, nghệ thuật hóa để trình diễn, giới thiệu quảng bá, lưu giữ và truyền dạy cho các thế hệ mai sau thông

qua các hoạt động văn hóa mang tính chuyên nghiệp và không chuyên như hội diễn, hội thi kể chuyện về truyền thuyết dân gian trong những dịp lễ hội, sinh hoạt văn hóa làng, xã của các cộng đồng cư dân Phú Thọ. Cần xây dựng một dự án về việc tổ chức nghiên cứu khoa học, tổ chức sưu tầm tài liệu về di tích và lễ hội Đền Hùng xưa. Đề án này cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chức năng, các trường, các viện nghiên cứu để phối hợp triển khai có kết quả cao./.

T.T.T.M

1. Sở Văn hóa, Thông tin và Thể thao Phú Thọ - Hội Văn nghệ dân gian Phú Thọ (2000), *Tổng tập Văn nghệ dân gian Đất Tổ*, tập 1, Phú Thọ, tr. 53.
2. Bùi Quang Thanh (2011), "Truyền thuyết và lịch sử", Tạp chí *Di sản văn hóa* (35), tr. 21-25.
3. Sở Văn hóa, Thông tin và Thể thao Phú Thọ - Hội Văn nghệ dân gian Phú Thọ (2003), *Tổng tập Văn nghệ dân gian Đất Tổ*, tập 4, Phú Thọ, tr. 65.
4. Sở Văn hóa - Thông tin và Thể thao Phú Thọ (1998), *Di tích và Danh thắng vùng Đất Tổ*, Phú Thọ, tr. 51.
5. Phạm Thị Hoàng Oanh (2003), *Lễ hội rước chúa Gái làng Vi Cương - Triệu Phú, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ*, Luận văn Thạc sĩ Văn hoá học, Trường Đại học Văn hoá Hà Nội, tr. 61-62.

6. Sở Văn hóa - Thông tin Phú Thọ - Hội Văn nghệ dân gian Phú Thọ (2006), *Lễ hội truyền thống vùng Đất Tổ*, Phú Thọ, tr.82.
7. Sở Văn hóa, Thông tin và Thể thao Phú Thọ - Hội Văn nghệ dân gian Phú Thọ (2003), sdd, tr. 81.
8. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Phú Thọ (2010), *Văn nghệ dân gian*, Phú Thọ, tr. 52-53.
9. Sở Văn hóa - Thông tin Phú Thọ - Hội Văn nghệ dân gian Phú Thọ (2008), *Về miền lễ hội cội nguồn dân tộc Việt Nam*, quyển 2, Phú Thọ, tr. 27.
10. Năm 2010, Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam đã phục dựng lại lễ hội Rước vua Hùng về ăn tết.
11. Ngô Đức Thịnh (2012), *Máy nhận thức về lễ hội cổ truyền*, Bài tham luận trong Kỷ yếu Hội thảo Khoa học *Lễ hội, nhận thức, giá trị và giải pháp quản lý*, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Hội đồng Di sản Văn hoá Quốc gia, Hà Nội, tr. 298.
12. Trần Lâm (2011), "Tục thờ Hùng Vương và tín ngưỡng thờ tổ tiên", Tạp chí *Di sản văn hóa*, (35), tr. 43.
13. Nguyễn Chí Bền (2007) "Bảo tồn Di sản văn hoá phi vật thể ở nước ta hiện nay", Tạp chí *Cộng sản điện tử*, số 7 (127), tr. 40.
14. Trần Lâm (2011), bdd, tr. 44.
15. Ngô Văn Phú (1996), *Hùng Vương và lễ hội Đền Hùng*, Nxb Hội nhà Văn Việt Nam, Hà Nội, tr. 55.
16. Nguyễn Chí Bền (2007), bdd, tr. 39.

Trần Thị Tuyết Mai: He Village festival and the festival contributing to the formation of Hùng Temple festival

Hung Temple Festival was formed and shined at the Special Cultural Historical Site of Hung Temple, which is the only one in the traditional festival system of the country to be held on a national level. It originated from the ancient village festivals in the Hung mountain (Nghia Linh mountain) neighborhood in Phong Chau - Phu Tho region, where remain "cultural layers" of Hung Vuong worship, the representative intangible cultural heritage of the humanity.

The paper introduces some festivals in the ancient villages related to Hung Vuong era and Hung Temple festival, including He village festival which used to be very famous in Son Tay - Phu Tho region. These ancient festivals are the core, the vivid soul, the "museum" of rituals that reflect the identity of agricultural inhabitants. They are the most beautiful memories and the basic elements to form Hung temple festival in the past. It is necessary to restore, maintain and preserve these festivals in Hung Temple festival at present and in the future.

Keywords: Hung Temple Festival, Ancient Village Festival, He Village Festival, Originate, Preservation, promotion.